

Bản án số: 141 /2018/DS-PT.

Ngày 20 - 9 - 2018.

V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các thẩm phán: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc.

Bà Trần Thị Thúy Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Ngọc Bích
- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2018/TLPT - DS ngày 07/6/2018 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DS - ST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2018/QĐ – PT, ngày 30/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1936 (Vắng mặt).

+ Bà Lê Thị B, sinh năm 1941 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2018, có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B: Luật sư Lê Văn B – Công ty Luật TNHH một thành viên Cửu Long – Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- Bị đơn:

+ Ông Lê Văn B, sinh năm 1965 (Có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1967 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Minh Tr, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

+ Anh Lê Minh Kh, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

+ Cháu Lê Văn L, sinh năm 2003 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Văn L là ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thu T (Có mặt).

+ Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân: Ông Lê Văn P – Chức vụ - Chủ tịch (Có văn bản xin vắng mặt).

+ Quỹ tín dụng nhân dân huyện Bình Tân.

Người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân huyện Bình Tân: Bà Lý Thị Th – Chức vụ - Chủ tịch (Có văn bản xin vắng mặt).

Do có kháng cáo của: Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11/01/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/6/2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị B và người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch trình bày:

Năm 1989 vợ chồng ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thu T cùng các con là Lê Minh Tr, Lê Minh Kh, Lê Văn L không có chỗ ở nên vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B (là cha mẹ ruột của bà T) cho vợ chồng ông B, bà T phần đất có diện tích khoảng 150m² (ngang khoảng 05m, dài khoảng 30m) để cất nhà ở, hiện nay thuộc một phần của thửa số 188 diện tích chung là 500m². Cạnh phần đất 150m² mà ông N, bà B cho vợ chồng ông B, bà T có một con mương diện tích khoảng 180m² (ngang khoảng 06m, dài khoảng 30m) con mương này theo ông N, bà B thì thuộc quyền sử dụng đất của ông N, bà B dùng dẫn nước vào sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt gia đình. Ông N, bà B không cho vợ chồng ông B, bà T con mương này.

Đến năm 1991 ông B, bà T đã tiến hành kê khai đăng ký phần đất diện tích 150m² mà vợ chồng ông N, bà B cho. Ông N bà B cho rằng ông B, bà T lén lút kê khai đăng ký thêm diện tích mương khoảng 180m² trên. Ông B, bà T đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 188, tờ bản đồ số 7, diện tích 500m², loại đất thổ vườn, tọa lạc ấp T, xã L, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, mãi đến thời gian gần đây ông N, bà B mới phát hiện vợ chồng ông B, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao trùm luôn con mương diện tích khoảng

180m². Ông N, bà B cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà T trùm luôn con mương diện tích khoảng 180m² là không hợp pháp. Nên ông N, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông B, bà T. Đồng thời yêu cầu hộ ông B, bà T trả lại phần diện tích đất tranh chấp theo đo đạc là 225,4m² thuộc một phần thửa số 188, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (thửa mới là 151, tờ bản đồ số 36 do hộ ông Lê Văn B, Nguyễn Thị Thu T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Bị đơn ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Nguồn gốc phần đất mà ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B khởi kiện đúng là của ông N, bà B cho vợ chồng ông B, bà T vào năm 1984. Đến năm 1985 có đoàn đo đạc đến đo để cấp giấy chứng nhận phần đất ngay vị trí ông N, bà B cho vợ chồng ông B, bà T. Đoàn đo đạc có hỏi ông N phần đất này ông N cho ai, thì ông N nói cho vợ chồng ông B, bà T nên mới tiến hành đo đạc, đến năm 1999 ông B, bà T được Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần thứ nhất. Sau đó do tách huyện nên ngày 18/10/2011 ông B, bà T được Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 151 tờ bản đồ số 6 diện tích 658m² loại đất ở lâu dài và trồng cây lâu năm. Từ khi được ông N, bà B cho đất vào năm 1984 vợ chồng ông B, bà T sử dụng ổn định cho đến nay, nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông N, bà B.

Nhưng vợ chồng ông B, bà T là con được cha, mẹ cho đất để cha mẹ có điều kiện thuận lợi trong việc đi lại và đường nước tưới tiêu thì vợ chồng ông B, bà T đồng ý cho lại phía ông N, bà B đường đi và đường nước ngang 02m, dài 30m diện tích theo đo đạc là 78,7m². Vợ chồng ông B, bà T không yêu cầu ông N, bà B hoàn giá trị đất và đồng ý để cho ông N, bà B kê khai đăng ký phần đất mà ông, bà cho lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Minh Tr và anh Lê Minh kh trình bày: Hai anh là con của ông B, bà T. Nguồn gốc đất là của ông bà ngoại cho cha mẹ. Hai anh không có yêu cầu gì.

2. Đại diện hợp pháp của cháu Lê Văn L trình bày: Đất này là của ông N, bà B cho vợ chồng ông B, bà T. Hiện cháu L còn nhỏ sống chung gia đình, cháu L cũng không biết gì về phần đất này.

3. Đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân huyện Bình Tân trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông B, bà T đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân huyện Bình Tân để vay 10.000.000 đồng vốn, do hợp đồng chưa đến hạn nên Quỹ tín dụng không yêu cầu thu hồi vốn trong vụ án này.

4. Tại công văn số: 953/UBND–NC ngày 15/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân xác định: Nguồn gốc đất của ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thu T là do ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị B cho trước năm 1990. Khi thực hiện đo đạc theo chương trình đất năm 1990 ông Lê Văn B đứng ra kê khai, đăng ký thửa 188,

diện tích 500m², loại đất thổ vườn. Đến ngày 01/10/1999 ông Lê Văn B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 953649 sổ vào sổ 33629 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh ký. Việc Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh (nay là huyện Bình Tân) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn B là phù hợp theo quy định tại khoản 1, Điều 2 Luật đất đai năm 1993.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST, ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B đối với yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đòi lại quyền sử dụng đất thuộc chiết thửa 151 diện tích theo đo đạc thực tế là 225,4m² tọa lạc ấp Thành Tâm, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thu T đồng ý cho ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B diện tích đất 78,7m² (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/5/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Tân để thi hành án).

Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B có quyền liên hệ đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất ông B, bà T đồng ý cho.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 15/5/2018 nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 225,4m² thuộc thửa đất số 188, tờ bản đồ số 7, diện tích 500m², loại đất thổ vườn. Tọa lạc tại: Ấp T, xã L, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn B đứng tên quyền sử dụng đất. Buộc ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Thu T cùng các con là Lê Minh Tr, Lê Minh Kh và Lê Minh L có trách nhiệm trả lại cho ông N, bà B phần đất có diện tích 225,4m² thuộc chiết thửa 188, diện tích 500m² nay là thửa 151, diện tích 658m².

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B là ông Nguyễn Văn C vẫn bảo lưu yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thu T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu

kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự, Luật sư đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Việc ông N, bà B yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đòi lại quyền sử dụng đất chiết thửa 151, diện tích đo đạc thực tế là 225,4m² tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn B đứng tên quyền sử dụng đất. Buộc ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Thu T cùng các con là Lê Minh Tr, Lê Minh Kh và Lê Minh L có trách nhiệm trả lại cho ông N, bà B phần đất có diện tích 225,4m² thuộc chiết thửa 188, diện tích 500m² nay là thửa 151, diện tích 658m² là chưa đủ căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, án sơ thẩm có một số sai sót như sau:

Ông N, bà B nộp tạm ứng án phí có hai biên lai thu: Biên lai thu số 0011593 ngày 11/10/2017 số tiền 200.000đ và biên lai thu số 0011594 ngày 11/10/2017 số tiền 200.000đ đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Nhưng án sơ thẩm tuyên hoàn trả cho ông N, bà B số tiền tạm ứng án phí 200.000đ theo biên lai thu số 0011594 ngày 11/10/2017 là chưa đầy đủ, thiệt thòi quyền lợi cho ông N, bà B.

Án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông B, bà T cho ông N và bà B diện tích 78,7m² (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/5/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Tân). Nhưng không tuyên mốc giới, loại đất và Tọa lạc... là thiếu sót ảnh hưởng đến việc thi hành án. Do đó cần phải sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông N, bà B;

Sửa bản án sơ thẩm;

Về án phí phúc thẩm: Ông N, bà B không phải chịu;

Hoàn trả cho ông N, bà B mỗi người 200.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0011593 và biên lai thu số 0011594 cùng ngày 11/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục:

Ngày 15/5/2018 nguyên đơn Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Ông N, bà B là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, nên cấp sơ thẩm miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông N, bà B là phù hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đơn kháng cáo của ông N, bà B còn trong thời hạn luật định theo Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B được Tòa án xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung:

Xét toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B.

[1]. Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B kháng cáo yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thu T để đòi lại quyền sử dụng đất chiết thửa 151, diện tích đo đạc thực tế là 225,4m² tọa lạc tại ấp T xã L, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn B đứng tên quyền sử dụng đất. Buộc ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị Thu T cùng các con là Lê Minh Tr, Lê Minh Kh và Lê Minh L có trách nhiệm trả lại cho ông N, bà B phần đất có diện tích 225,4m² thuộc chiết thửa 188, diện tích 500m² nay là thửa 151, diện tích 658m² là không có căn cứ chấp nhận.

Xét, về nguồn gốc đất tranh chấp thuộc chiết thửa 151 tờ bản đồ số 36, diện tích mà ông N, bà B kiện đòi ông B, bà T trả theo đo đạc thực tế là 225,4m² trong tổng diện tích chung là 658m² loại đất thổ vườn, tọa lạc tại ấp T xã L, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long là của ông N, bà B cho vợ chồng ông B, bà T trước năm 1990. Phía ông N, bà B cho rằng ông bà không cho vợ chồng ông B, bà T phần nương diện tích khoảng 180m². Tuy nhiên, nguyên đơn thừa nhận phần đất này phía bị đơn đã kê khai đăng ký vào năm 1991 và sử dụng cho đến nay. Phần đất tranh chấp

qua các chương trình đất ông N, bà B không kê khai đăng ký. Do đó, căn cứ Điều 166 Luật đất đai năm 2013 ông B, bà T đã được cấp quyền sử dụng đất nên được pháp luật bảo hộ.

Xét, về quá trình sử dụng phần đất tranh chấp là do ông B, bà T trực tiếp quản lý sử dụng, thể hiện qua phần cây trồng trên đất gồm dừa 02 cây loại C, 01 cây loại A, mít 01 cây loại C là do ông B, bà T trồng. Ông N, bà B không có chứng cứ chứng minh khi ông B, bà T sử dụng phần đất này trồng cây ông bà có ngăn cản hay có thỏa thuận nào khác. Qua đó, cho thấy quá trình kê khai đăng ký cũng như quá trình sử dụng đất là do vợ chồng ông B, bà T trực tiếp thực hiện. Việc ông N, bà B trình bày không hay biết việc Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh (nay là huyện Bình Tân) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà T là không có cơ sở.

Mặt khác, theo công văn số 953/UBND –NC ngày 15/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B là đúng theo khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993.

[2]. Xét, phía bị đơn ông B, bà T tự nguyện cho ông N, bà B phần diện tích đất ngang là 02m từ đường đất trở vào diện tích 78,7m², để tạo điều kiện cho ông N, bà B trong việc dẫn nước tưới tiêu và lối đi, không yêu cầu ông N, bà B phải hoàn giá trị đất. Đây là sự tự nguyện của ông B, bà T nên cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện này là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không xác định loại đất, mốc giới cụ thể là chưa chính xác. Cần phải sửa lại như sau: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thu T đồng ý cho ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B diện tích đất 78,7m², thuộc chiết thửa 151, loại đất trồng cây lâu năm. Tọa lạc tại: Ấp T, xã L, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, có vị trí, giáp giới, kích thước, hình thể được xác định qua các mốc 3,4,5,6,7,3 (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/5/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Tân).

[3]. Xét lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là chưa có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chỉ ghi nhận mà không chấp nhận.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N, bà B là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn toàn bộ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả ông N và bà B mỗi người nộp 200.000đ tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân theo biên lai thu số 0011593 và số 0011594 cùng ngày 11/01/2017. Nhưng cấp sơ thẩm chỉ tuyên trả lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011594 ngày 11/01/2017 là thiếu sót.

[6]. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B, không chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Sửa bản án sơ thẩm.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự có kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[8]. Các quyết định của bản án sơ thẩm về chi phí đo đạc, định giá, án phí và quyền, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 100, Điều 166 và Điều 203 luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST, ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B đối với yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đòi lại quyền sử dụng đất thuộc chiết thửa 151 diện tích theo đo đạc thực tế là 225,4m² tọa lạc ấp T, xã L, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thu T đồng ý cho ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B diện tích đất 78,7m², thuộc chiết thửa 151, loại đất trồng cây lâu năm. Tọa lạc tại: Ấp T, xã L, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, có vị trí, giáp giới, kích thước, hình thể được xác định qua các mốc 3,4,5,6,7,3 (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/5/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Tân).

Buộc ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thu T giao cho ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B diện tích đất 78,7m², loại đất trồng cây lâu năm. Tọa lạc tại: Ấp T, xã L, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, có vị trí, giáp giới, kích thước, hình thể được xác định qua các mốc 3,4,5,6,7,3.

Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B có quyền liên hệ đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất ông B, bà T đồng ý cho.

5. Về chi phí khảo sát đo đạc, định giá: Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B phải chịu 1.970.000 đồng (một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng 1.970.000 đồng (một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) mà ông N và bà B đã nộp, nên ông N, bà B không phải nộp thêm.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B mỗi người 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân theo biên lai thu số 0011593 và số 0011594 cùng ngày 11/01/2017.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông N và bà B là người kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- CA TAT: 01b;
- TAND huyện Bình Tân: 01b;
- THADS huyện Bình Tân: 02b;
- Đ/sự: 09b;
- Lưu: 06 b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường